TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02- 7-2019
V/v "*Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Chiến

2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2019 về việc "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn C, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị và anh Phan Văn C cưới vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Ba Tri vào ngày 19/4/2010. Sau khi kết hôn, chị và anh C sống hạnh phúc bên gia đình nhà chồng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh C thay đổi không chăm lo làm ăn, thường hay nhậu nhẹt, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên đánh, chửi chị P. Đến tháng 5/2016, chị về nhà cha mẹ ruột sống và hai người chính thức sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai người có liên lạc để hàn gắn nhưng không hàn gắn được. Nay nhận thấy không còn tình cảm và không còn khả năng hàn gắn nên chị P yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị P và anh C có 01 con chung tên Phan Thị M, sinh ngày 09/8/2008. Hiện cháu M đang sống với anh C. Sau khi ly hôn, chị P đồng ý để anh C tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Tại bản tự khai đề ngày 15/5/2019 và biên bản hòa giải ngày 30/5/2019, anh Phan Văn C trình bày: Anh và chị P cưới nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Ba Tri vào ngày 19/4/2010. Sau khi cưới, hai vợ chồng anh sống với cha mẹ ruột anh một thời gian. Sau đó, cha mẹ anh cho đất để vợ chồng cất nhà ở riêng. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng cách nay khoảng 03 năm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường cãi nhau. Anh và chị P đã sống ly thân cách nay 02 năm. Trong thời gian ly thân, vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Mặc dù anh C nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nhưng vì muốn con có cha mẹ nên anh cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung Phan Thị M, sinh năm 2008. Hiện cháu M đang do anh C nuôi dưỡng. Trường hợp, Tòa án giải quyết ly hôn thì anh muốn được tiếp tục nuôi con chung, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên HĐXX thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị Nguyễn Thị P và anh Phan Văn C thống nhất về thời gian đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Từ khi ly thân đến nay, cả hai đã tìm mọi biện pháp để hàn gắn nhưng không được. Về con chung: có 01 con chung Phan Thị M, sinh năm 2008, hiện cháu M đang do anh C nuôi dưỡng. Chị P và anh C thống nhất anh C được tiếp tục nuôi con chung (phù hợp với nguyện vọng của cháu M) và chị P không cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị HĐXX ghi nhận. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt vấn đề xem xét. Vì vậy áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa bị đơn anh Phan Văn C vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Phan Văn C thống nhất với nhau về thời gian cưới, thời gian đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân, cả hai cố gắn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được. Sau khi hòa giải đến nay, Tòa án đã tiệu tập anh C 02 lần nhưng anh C vẫn vắng mặt và hai người cũng không hàn gắn được, đều đó thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên HĐXX xét thấy yêu cầu của chị P về việc xin ly hôn với anh C là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị P và anh C có 01 con chung Phan Thị M, sinh năm 2008, hiện cháu M đang do anh C nuôi dưỡng. Chị P và anh C thống nhất anh C được tiếp tục nuôi con chung (phù hợp với

nguyện vọng của cháu M) và chị P không cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị P ly hôn với anh Phan Văn C.

2. Con chung: có 01 con chung tên Phan Thị M, sinh ngày 09/8/2008. Anh Phan Văn C được tiếp tục nuôi con chung, chị Nguyễn Thị P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị P có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải nộp số tiền án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0001869 ngày 29/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Tân Hưng (Ba Tri – Bến Tre);
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng